TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Đặng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 589/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị P, địa chỉ: Tổ ĐK 2, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hợp T, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ ĐK 2, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2018 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Hợp T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 24/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố, mẹ chị tại tổ ĐK 2, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm. Đến tháng 02 năm 2011, anh T đã bỏ nhà đi biệt tích không rõ địa chỉ, từ đó đến nay không trở về gia đình, địa phương lần nào và cũng không có liên lạc gì với người thân trong gia đình, chị Phương và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi, đăng thông tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng vẫn không ai

biết anh T ở đâu, làm gì, địa chỉ như thế nào. Tòa án nhân dân quận K đã tuyên bố anh Trần Hợp T là người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐDS-ST ngày 25/01/2018. Từ đó đến nay chị Phương và gia đình không có tin tức xác thực về việc anh T hiện nay đang ở đâu, địa chỉ thế nào, còn sống hay đã chết. Nay chị Phạm Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Hợp T.

Về con chung: Chị Phạm Thị P và anh Trần Hợp T có 01 (Một) con chung là Trần Thị Thùy L, sinh ngày 20/10/2007. Khi ly hôn chị P nhận nuôi con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Trong bản tự khai của cháu Trần Thị Thùy L ngày 28 tháng 3 năm 2018, cháu Trần Thị Thùy L có nguyện vọng được ở với chị Phạm Thị P.

Tại các tài liệu xác minh Công an phường Đ, tổ dân phố và Chi hội Phụ nữ tổ dân phố ĐK 2 phường Đ đều xác nhận anh Trần Hợp T bỏ nhà đi không rõ địa chỉ từ năm 2011 đến nay không có tin tức gì. Sau khi Tòa án tuyền bố anh T là người mất tích đến nay, anh Trần Hợp T vẫn không trở về địa phương, gia đình và không có tin tức xác thực về việc anh T ở đâu, làm gì, địa chỉ thế nào. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị Phạm Thị P theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Chị Phạm Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hợp T. Khi ly hôn chị Phương nhận nuôi con chung là Trần Thị Thùy L đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung chị Phương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Trần Hợp T. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Thùy L, sinh ngày 20/10/2007 cho chị Phạm Thị P nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Hợp T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Trần Hợp T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Hợp T có nơi cư trú cuối cùng tại tổ ĐK 2, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng và thời kỳ hôn nhân vợ chồng thường xuyên ăn ở, sinh sống tại đây. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc đã T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trần Hợp T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án T hành xét xử vắng mặt anh Trần Hợp T theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu khởi kiện:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Trần Hợp T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Thành phố Hải Phòng, ngày 24/4/2007 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và anh T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 02 năm 2011 đến nay. Chị P và gia đình đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh T còn sống hay đã chết. Tòa án nhân dân quận K đã tuyên bố anh T là người mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐST-DS ngày 25/01/2018. Từ đó đến nay chị P và gia đình vẫn không có tin tức gì về anh T hiện nay đang ở đâu, địa chỉ như thế nào. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị P và anh Trần Hợp T có 01 con chung là Trần Thị Thùy L, sinh ngày 20/10/2007. Khi ly hôn chị P nhận nuôi con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét thấy anh T đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, từ đó đến nay chị Pvẫn nuôi con chu đáo, mặt khác nguyện vọng của cháu được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cho chị Phương trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Thùy L và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Trần Hợp T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2007 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Hợp T hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010347 ngày 28/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Hợp T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- VKS ND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THA Dân sự K;
- UBND phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đặng Trình